

PROMOTING INCLUSIVE EDUCATION FOR CHILDREN WITH SPECIAL NEEDS TOWARD SUSTAINABLE DEVELOPMENT AND INTERNATIONAL INTEGRATION: A THEORETICAL AND PRACTICAL ANALYSIS FROM VIETNAM

Dao Thi Thu Thuy

Email: dtthuy@daihocthuo.edu.vn

Hanoi Metropolitan University
98 Duong Quang Ham, Nghia Do ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 21/4/2025

Revised: 12/5/2025

Accepted: 27/6/2025

Published: 20/8/2025

Abstract: This article analyzes the role of inclusive education in promoting sustainable development and international integration, with a particular focus on children with special educational needs in Vietnam. Based on a review of theoretical foundations and international experiences, the study identifies existing gaps in Vietnam's inclusive education practices, including disparities in educational access between children with and without disabilities, inadequate infrastructure, insufficient teacher capacity, and limited coordination among stakeholders. The research methods include document analysis, synthesis of survey results, and comparative analysis of inclusive education models in Japan and the United States. The findings indicate that Vietnam should strengthen early intervention, provide specialized teacher training, and build an inclusive education ecosystem that involves schools, families, communities, and state management. These recommendations aim to improve policy, enhance the quality of inclusive education, and ensure equal learning opportunities for all children in the context of sustainable development and international integration.

Keywords: *Inclusive education, sustainable development, international integration, education models, inclusive education ecosystem.*

THÚC ĐẨY GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ EM CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ: PHÂN TÍCH LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TỪ VIỆT NAM

Đào Thị Thu Thủy

Email: dtthuy@daihocthuo.edu.vn

Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
98 Dương Quang Hàm, phường Nghĩa Đô,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 21/4/2025

Chỉnh sửa xong: 12/5/2025

Chấp nhận đăng: 27/6/2025

Xuất bản: 20/8/2025

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích vai trò của giáo dục hòa nhập trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, đặc biệt đối với trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt tại Việt Nam. Trên cơ sở tổng quan lý luận và kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu đã xác định những khoảng trống trong thực tiễn giáo dục hòa nhập tại Việt Nam, bao gồm: khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa trẻ em khuyết tật và không khuyết tật, hạn chế về cơ sở vật chất, năng lực giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu và sự phối hợp còn lỏng lẻo giữa các bên liên quan. Phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích tài liệu, tổng hợp kết quả khảo sát thực tiễn và đối sánh mô hình giáo dục hòa nhập tại Nhật Bản và Hoa Kỳ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Việt Nam cần tăng cường can thiệp sớm, đào tạo giáo viên chuyên biệt, xây dựng hệ sinh thái giáo dục hòa nhập với sự tham gia của nhà trường, gia đình, cộng đồng và quản lý nhà nước. Những đề xuất này góp phần hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập và đảm bảo quyền học tập công bằng cho mọi trẻ em trong bối cảnh phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: *Giáo dục hòa nhập, phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, mô hình giáo dục, hệ sinh thái giáo dục hòa nhập.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phát triển bền vững đã trở

thành định hướng chiến lược của nhiều quốc gia. Năm 2015, Liên Hợp Quốc đã thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 Mục tiêu Phát triển Bền

vững (SDGs), trong đó mục tiêu số 4 khẳng định rõ cam kết “Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người” (UN, 2015).

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã triển khai thành công giáo dục hòa nhập với các mô hình đa dạng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội riêng biệt. Trong đó, Nhật Bản và Hoa Kỳ là hai quốc gia tiêu biểu với hệ thống giáo dục đặc biệt phát triển, thể hiện ở việc kết hợp đồng bộ giữa chính sách giáo dục quốc gia, đào tạo giáo viên chuyên biệt, can thiệp sớm và hỗ trợ cộng đồng. Việc lựa chọn phân tích kinh nghiệm của Nhật Bản - một quốc gia Châu Á có nhiều điểm tương đồng về văn hóa và bối cảnh xã hội với Việt Nam - và Hoa Kỳ (nơi đi đầu trong việc xây dựng hệ thống luật pháp và mô hình giáo dục hòa nhập dựa trên quyền con người) nhằm cung cấp những góc nhìn đối sánh mang tính tham khảo chiến lược cho bối cảnh Việt Nam.

Tại Việt Nam, giáo dục hòa nhập đã có nhiều bước tiến tích cực với sự ban hành Luật Người khuyết tật (2010), Chiến lược Phát triển giáo dục 2021 - 2030 và các chính sách hỗ trợ giáo viên, trẻ khuyết tật trong nhà trường phổ thông. Tuy vậy, thực tiễn cho thấy, giáo dục hòa nhập vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức: cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu, đội ngũ giáo viên thiếu kỹ năng chuyên biệt; thiếu sự phối hợp liên ngành và nhận thức xã hội về người khuyết tật còn hạn chế (Nguyễn et al., 2023).

Trước thực trạng đó, việc xây dựng hệ thống giáo dục hòa nhập bền vững có khả năng thích ứng cao và vận hành hiệu quả trong môi trường hội nhập là yêu cầu cấp thiết. Bài viết này được thực hiện nhằm phân tích vai trò của giáo dục hòa nhập trong chiến lược phát triển bền vững, đánh giá thực trạng triển khai tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp trên cơ sở đối sánh quốc tế chọn lọc, với kỳ vọng đóng góp vào định hướng chính sách và thực tiễn giáo dục đặc biệt trong giai đoạn mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục đích khảo sát

Mục tiêu của khảo sát thực tiễn nhằm đánh giá thực trạng triển khai giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam, thông qua phân tích một số yếu tố cơ bản bao gồm: Khả năng tiếp cận của trẻ khuyết tật tới hệ thống giáo dục phổ thông; mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu học tập; năng lực chuyên môn và sự sẵn sàng của đội ngũ giáo viên; mức độ tham gia và phối hợp của gia đình, cộng đồng và các tổ chức hỗ trợ liên ngành. Thông qua kết quả khảo sát, nghiên cứu hướng đến

việc xác định các rào cản chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai giáo dục hòa nhập, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng và tính bền vững của mô hình giáo dục này trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát được thiết kế xoay quanh bốn nhóm vấn đề cốt lõi nhằm phản ánh toàn diện thực trạng giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật hiện nay: 1) Khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật, bao gồm các chỉ số như tỉ lệ nhập học, tỉ lệ duy trì học tập, tỉ lệ lên lớp đúng độ tuổi và tỉ lệ bỏ học; 2) Điều kiện cơ sở vật chất và hỗ trợ học tập: Tập trung đánh giá mức độ phù hợp của cơ sở hạ tầng trường học đối với trẻ khuyết tật (lối đi, nhà vệ sinh, thiết bị học tập chuyên biệt), cũng như việc sử dụng tài liệu điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của từng dạng tật; 3) Năng lực chuyên môn và nhận thức của giáo viên: Khảo sát về trình độ đào tạo sư phạm, hiểu biết và thái độ đối với giáo dục hòa nhập cũng như kinh nghiệm thực tế trong dạy học trẻ khuyết tật; 4) Mức độ phối hợp của các bên liên quan: Đánh giá vai trò và sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

2.3. Phương pháp khảo sát

Bài viết sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính: phương pháp tổng quan tài liệu và phương pháp khảo sát thực tiễn. Phương pháp tổng quan tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn quốc tế về giáo dục hòa nhập và phát triển bền vững. Các tài liệu được phân tích bao gồm: Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development (United Nations, 2015); Inclusive education in Japan and its role in international cooperation (Cho & Park, 2024); Inclusive Education: Global Report (UNESCO, 2020); cùng các nghiên cứu trong nước như Nguyễn Thị Kim Hoa (2022), Nguyễn Xuân Hải et al. (2023). Phương pháp khảo sát thực tiễn được tiến hành thông qua phân tích dữ liệu thứ cấp có sẵn từ các nguồn uy tín như: 1) UNICEF Việt Nam (2023) - Khảo sát toàn quốc về tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật; 2) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022) - Báo cáo thống kê hệ thống về trẻ khuyết tật học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục phổ thông; 3) Nguyễn Xuân Hải và cộng sự (2023) - Nghiên cứu mô hình hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại 5 tỉnh thành đại diện cho các vùng miền Việt Nam.

Dữ liệu từ các báo cáo trên được xử lý bằng phương pháp phân tích định lượng mô tả (Descriptive

statistics), tập trung vào các chỉ báo như tỉ lệ nhập học, tỉ lệ bỏ học, mức độ hỗ trợ, đánh giá năng lực giáo viên và sự phối hợp cộng đồng. Việc trích dẫn đầy đủ các nguồn nhằm đảm bảo độ tin cậy, tính khách quan và khoa học trong quá trình luận giải kết quả khảo sát.

2.4. Khách thể và thời gian khảo sát

Khách thể khảo sát gián tiếp: Là các nhóm thông tin thứ cấp, bao gồm: 1) Trẻ em khuyết tật độ tuổi mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; 2) Giáo viên dạy học sinh có nhu cầu đặc biệt; 3) Mô hình hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại các trường phổ thông.

Thời gian khảo sát và phân tích tài liệu: Trong khoảng từ tháng 02 đến tháng 4 năm 2025, với tiêu chí lựa chọn các tài liệu được công bố trong vòng 5 năm gần nhất để đảm bảo tính thời sự và cập nhật.

2.5. Địa bàn khảo sát

Các dữ liệu khảo sát được tổng hợp từ các nghiên cứu và báo cáo đã công bố liên quan đến các địa phương tiêu biểu trong triển khai giáo dục hòa nhập như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam và Đắk Lắk - những nơi có số lượng lớn trẻ khuyết tật và đang thực hiện các mô hình hỗ trợ giáo dục hòa nhập đa dạng.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả nghiên cứu lí luận về giáo dục hòa nhập cho trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt

Giáo dục hòa nhập (Inclusive education) là một quan điểm giáo dục hiện đại nhấn mạnh việc xây dựng một môi trường học tập có khả năng đáp ứng sự đa dạng của tất cả người học, bao gồm cả những người có nhu cầu đặc biệt, không phân biệt giới tính, hoàn cảnh, dân tộc hay tình trạng khuyết tật. Theo UNICEF (2023), giáo dục hòa nhập không chỉ dừng lại ở việc đưa trẻ em có nhu cầu đặc biệt vào học chung với học sinh phổ thông mà còn là một quá trình toàn diện bao gồm thiết kế chương trình, điều chỉnh phương pháp giảng dạy và xây dựng hệ thống hỗ trợ phù hợp, nhằm đảm bảo mọi học sinh đều có thể tham gia tích cực và đạt được tiến bộ.

Giáo dục hòa nhập được xác định là một trong những trụ cột trung tâm của Mục tiêu Phát triển Bền vững số 4 (SDG4) - “Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người” (UNICEF, 2023). Theo phân tích của International Disability and Development Consortium - IDDC (2023), giáo dục hòa nhập góp phần giúp các cá nhân phát huy tối đa tiềm năng, mở rộng cơ hội hòa nhập kinh tế - xã hội, giảm bất bình đẳng, từ đó thúc đẩy sự phát triển

công bằng và bền vững của toàn xã hội.

Trên bình diện quốc tế, các quốc gia có hệ thống giáo dục hòa nhập phát triển như Nhật Bản và Hoa Kỳ đều nhấn mạnh vai trò của can thiệp sớm, đào tạo bài bản cho đội ngũ giáo viên chuyên biệt và sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng (Cho & Park, 2024). Những yếu tố này được tổ chức như một hệ sinh thái hỗ trợ linh hoạt, đảm bảo mọi trẻ em - dù có nhu cầu đặc biệt ra sao - đều có thể tiếp cận, tham gia và phát triển trong môi trường học tập chung.

Đặc biệt, Nguyễn Xuân Hải và cộng sự (2023) chỉ ra rằng, tại các quốc gia đang phát triển, hiệu quả của giáo dục hòa nhập phụ thuộc nhiều vào sự hiện diện của các mô hình hỗ trợ linh hoạt tại trường học như “Phòng hỗ trợ giáo dục đặc biệt”. Đây là một giải pháp phù hợp với điều kiện hạn chế về nhân lực và tài lực, đồng thời tạo điều kiện để giáo viên được tư vấn và hỗ trợ chuyên môn một cách kịp thời trong quá trình giảng dạy.

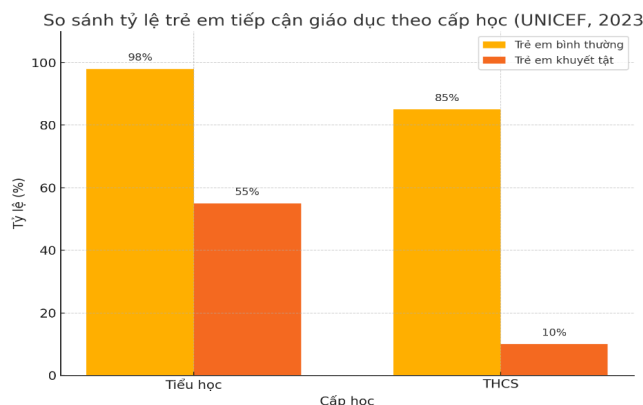
Từ các phân tích lí luận trên, có thể khẳng định rằng, giáo dục hòa nhập không chỉ là biểu hiện của tính nhân văn trong giáo dục hiện đại, mà còn là một chiến lược then chốt trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Việc xây dựng một hệ thống giáo dục hòa nhập hiệu quả và bền vững đòi hỏi sự cam kết và phối hợp của nhiều bên liên quan - từ hoạch định chính sách, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cải tiến chương trình đến sự tham gia tích cực của gia đình, cộng đồng và toàn xã hội.

3.2. Kết quả nghiên cứu thực tiễn về giáo dục hòa nhập cho trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt

3.2.1. Phân tích thực trạng giáo dục hòa nhập tại Việt Nam

a. Về khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật

Mặc dù Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng ghi nhận trong việc mở rộng cơ hội học tập cho mọi đối tượng, nhưng khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa trẻ em bình thường và trẻ em khuyết tật vẫn còn rất đáng lo ngại. Theo UNICEF (2023), gần 100% trẻ em không khuyết tật được đi học đúng độ tuổi ở cấp Tiểu học, trong khi tỉ lệ này ở trẻ em khuyết tật chỉ đạt khoảng 55%. Đáng chú ý, chỉ dưới 10% trẻ em khuyết tật được tiếp tục học lên trung học cơ sở - một con số cho thấy sự “rơi rụng” nghiêm trọng trong quá trình học tập. Điều này không chỉ phản ánh sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, mà còn cho thấy hệ thống giáo dục hiện hành chưa thực sự sẵn sàng để hỗ trợ sự phát triển liên tục và toàn diện của trẻ có nhu cầu đặc biệt.



Biểu đồ 1: So sánh tỉ lệ trẻ em khuyết tật và trẻ em không khuyết tật tiếp cận giáo dục theo cấp học, dựa trên số liệu từ UNICEF (2023)

b. Về điều kiện cơ sở vật chất hỗ trợ hòa nhập

Một môi trường học tập vật lý thân thiện là điều kiện tiên quyết để trẻ khuyết tật có thể tham gia đầy đủ vào hoạt động học tập. Tuy nhiên, theo UNICEF (2023), chỉ khoảng 3% trường học tại Việt Nam được trang bị cơ sở vật chất phù hợp với trẻ khuyết tật, bao gồm lối đi cho xe lăn, nhà vệ sinh tiếp cận, bàn ghế điều chỉnh, hay biển báo chữ nổi. Phần lớn trường học vẫn xây dựng theo thiết kế truyền thống, bỏ qua nhu cầu đặc thù của người học có khuyết tật vận động, thị giác hoặc thính giác. Tình trạng này không chỉ cản trở về mặt thể chất mà còn làm tổn thương lòng tự trọng và cảm giác thuộc về của học sinh, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến động lực học tập và khả năng hòa nhập xã hội của các em.

c. Về năng lực của giáo viên dạy học hòa nhập

Một trong những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của giáo dục hòa nhập là chất lượng đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), chỉ khoảng 1/6 giáo viên tiểu học và 1/10 giáo viên trung học cơ sở được đào tạo bài bản hoặc có kinh nghiệm thực tế trong việc dạy học trẻ khuyết tật. Nhiều giáo viên bày tỏ sự lúng túng trong việc điều chỉnh kế hoạch dạy học cá nhân hóa, cũng như thiếu kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh trong lớp học hòa nhập. Sự thiếu hụt này khiến giáo dục hòa nhập không chỉ trở thành gánh nặng cho giáo viên mà còn dễ biến thành hình thức nếu không có sự hỗ trợ kịp thời về chuyên môn và chính sách.

d. Về mức độ phối hợp giữa gia đình - nhà trường - cộng đồng

Giáo dục hòa nhập là một hệ sinh thái, trong đó sự đồng hành của gia đình và cộng đồng giữ vai trò thiết yếu. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, nhận

thức xã hội về người khuyết tật vẫn còn hạn chế. Theo Nguyễn et al. (2023), một số phụ huynh của trẻ khuyết tật vẫn chưa tin tưởng vào lợi ích của giáo dục hòa nhập, trong khi một bộ phận phụ huynh của trẻ bình thường lại có thái độ kỳ thị hoặc lo ngại con mình bị "ảnh hưởng tiêu cực". Sự phối hợp ba bên - nhà trường, phụ huynh và cộng đồng - vì thế chưa thực sự hiệu quả và bền vững, làm giảm sút tính bao trùm và khả năng thực thi chính sách ở cấp cơ sở. Đây là một trong những nguyên nhân khiến các mô hình giáo dục hòa nhập ở Việt Nam chưa phát triển đồng đều.

3.2.2. So sánh với một số mô hình quốc tế tiêu biểu

a. Mô hình giáo dục hòa nhập tại Nhật Bản: Can thiệp sớm và hỗ trợ liên ngành

Nhật Bản đã phát triển một hệ thống giáo dục hòa nhập đặc trưng, kết hợp giữa giáo dục đặc biệt và giáo dục phổ thông. Một trong những điểm nổi bật là chương trình can thiệp sớm cho trẻ em khuyết tật, đặc biệt trong các trường mẫu giáo. Theo nghiên cứu của Cho và Park (2024), chương trình AI-AI STEP đã được triển khai nhằm hỗ trợ giáo viên mẫu giáo trong việc giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. Kết quả cho thấy, chương trình này đã cải thiện chỉ số phát triển của trẻ và nâng cao hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Ngoài ra, Nhật Bản cũng đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục hòa nhập thông qua việc cung cấp dịch vụ tư vấn tại chỗ và dịch vụ thăm trường từ các trung tâm hỗ trợ phát triển trẻ em. Điều này giúp giáo viên nhận được sự hỗ trợ chuyên môn kịp thời và phù hợp với từng trường hợp cụ thể (Cho & Park, 2024).

b. Mô hình giáo dục hòa nhập tại Hoa Kỳ: Chính sách "No Child Left Behind" và đội ngũ giáo viên chuyên môn cao

Trên bình diện quốc tế, nhiều quốc gia phát triển đã có những mô hình giáo dục hòa nhập toàn diện, nổi bật là Hoa Kỳ với đạo luật *No Child Left Behind* (NCLB) ban hành từ năm 2001. Theo trang chuyên ngành pháp lý Wrightslaw (n.d.), đạo luật NCLB yêu cầu các bang phải đánh giá học sinh định kỳ từ lớp 3 đến lớp 8 và công bố kết quả theo từng nhóm, bao gồm trẻ khuyết tật, để đảm bảo không nhóm nào bị bỏ lại phía sau. Mỗi trường học phải chịu trách nhiệm về kết quả học tập của các nhóm học sinh yếu thế, đồng thời áp dụng các biện pháp can thiệp mạnh nếu không đạt chuẩn. Cách tiếp cận này cho thấy tầm quan trọng của việc giám sát, hỗ trợ, và nâng cao năng lực hệ thống giáo dục một cách có chiến lược.

Một điểm mạnh của hệ thống giáo dục Hoa Kỳ là đội ngũ giáo viên được đào tạo chuyên sâu về giáo dục đặc biệt. Các giáo viên này được yêu cầu

có bằng cấp chuyên môn và được đào tạo liên tục để đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ khuyết tật. Điều này đảm bảo rằng, học sinh nhận được sự hỗ trợ phù hợp và hiệu quả trong môi trường học tập hòa nhập (National Association of Special Education Teachers, n.d.). Từ thực tiễn Việt Nam và đối sánh quốc tế có thể thấy rằng, cơ sở thực tiễn không chỉ là yếu tố thúc đẩy mà còn là thách thức trọng tâm trong việc phát triển giáo dục hòa nhập theo hướng bền vững và phù hợp với xu thế toàn cầu.

3.3. Đề xuất biện pháp thúc đẩy giáo dục hòa nhập cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

3.3.1. Bài học kinh nghiệm và định hướng vận dụng cho Việt Nam trong việc thúc đẩy giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Từ việc phân tích các mô hình giáo dục hòa nhập tiêu biểu của Nhật Bản và Hoa Kỳ, có thể thấy rằng, thành công của các quốc gia này không chỉ đến từ hệ thống chính sách hoàn chỉnh mà còn nhờ vào cách thức tổ chức thực tiễn giáo dục một cách linh hoạt, có trọng tâm và có trách nhiệm. Việt Nam trong quá trình chuyển mình để đạt được một nền giáo dục hòa nhập thực chất và bền vững, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng sau:

a. Tăng cường can thiệp sớm như một chiến lược nền tảng

Một điểm nổi bật trong mô hình giáo dục hòa nhập tại Nhật Bản là việc chú trọng đến *can thiệp sớm ngay từ bậc Mầm non*. Việc sàng lọc, phát hiện sớm các dạng khuyết tật và triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển cá nhân cho trẻ nhỏ đã giúp rút ngắn khoảng cách phát triển, đồng thời giảm thiểu gánh nặng hỗ trợ khi trẻ bước vào phổ thông (Cho & Park, 2024). Đối với Việt Nam, điều này gợi mở nhu cầu xây dựng hệ thống can thiệp sớm theo hướng tiếp cận cộng đồng, trong đó vai trò của giáo viên mầm non, cán bộ y tế học đường và phụ huynh cần được đặt đúng vị trí và được hỗ trợ về chuyên môn.

b. Đầu tư bài bản cho đội ngũ giáo viên chuyên môn về giáo dục hòa nhập

Tại Hoa Kỳ, giáo viên dạy trẻ khuyết tật là một ngành nghề chuyên biệt, được đào tạo bài bản và liên tục cập nhật kiến thức qua các chương trình phát triển chuyên môn thường xuyên (National Association of Special Education Teachers, n.d.). Trong khi đó, tại Việt Nam, phần lớn giáo viên phổ thông chưa có điều kiện được tiếp cận các khóa đào

tạo chuyên sâu về giáo dục đặc biệt. Bài học đặt ra là cần xây dựng hệ thống phát triển nghề nghiệp liên tục cho giáo viên theo hướng linh hoạt, gắn với thực tế trường lớp và có cơ chế công nhận tín chỉ đào tạo.

c. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành và cộng đồng trách nhiệm

Cả Nhật Bản và Hoa Kỳ đều cho thấy hiệu quả vượt trội của các mô hình giáo dục hòa nhập khi có sự tham gia tích cực và rõ ràng của nhiều bên: nhà trường, phụ huynh, chuyên gia trị liệu, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng địa phương. Trong đó, việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân hóa (IEP) cho trẻ khuyết tật là sản phẩm của một quy trình hợp tác liên ngành bài bản. Việt Nam có thể học hỏi mô hình này bằng cách thí điểm tổ chức các tổ hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại cấp trường, trong đó mỗi trẻ khuyết tật có một hồ sơ giáo dục được xây dựng và giám sát bởi một nhóm chuyên môn gồm giáo viên chủ nhiệm, giáo viên chuyên biệt, đại diện gia đình và cán bộ quản lý.

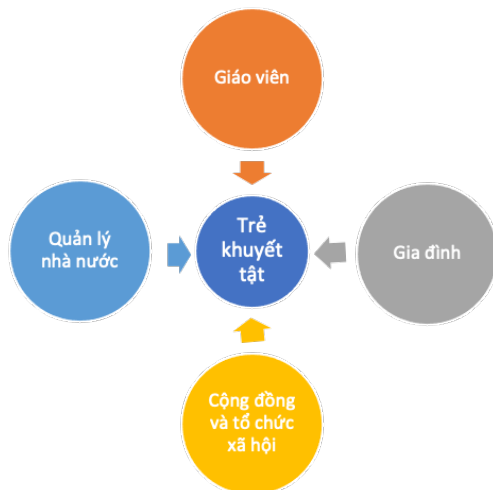
Tóm lại, bài học kinh nghiệm từ các quốc gia đi trước không chỉ là mô hình kỹ thuật mà còn là cách tiếp cận mang tính nhân văn, chiến lược và hệ thống, trong đó trẻ khuyết tật được công nhận là một phần không thể tách rời của hệ sinh thái giáo dục.

3.3.2. Sự phối hợp của các bên liên quan trong giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt

Giáo dục hòa nhập không thể vận hành hiệu quả nếu thiếu sự tham gia tích cực của các bên liên quan. Mỗi chủ thể - từ giáo viên, gia đình, cộng đồng đến cơ quan quản lý - đều đóng vai trò thiết yếu trong việc tạo ra một môi trường giáo dục công bằng, nhân văn và bền vững cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt.

Giáo viên - Tác nhân trực tiếp triển khai giáo dục hòa nhập: Giáo viên là lực lượng đầu tiên và quan trọng nhất quyết định sự thành công của giáo dục hòa nhập tại lớp học. Theo nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hải và cộng sự (2023), nhiều giáo viên phổ thông bày tỏ khó khăn trong việc lên kế hoạch bài dạy cá nhân hóa, thiếu kỹ năng điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với từng dạng khuyết tật. Điều này cho thấy vai trò trung tâm của việc đào tạo chuyên sâu và hỗ trợ kỹ thuật định kỳ cho giáo viên.

Gia đình - Đối tác đồng hành và định hướng: Gia đình không chỉ là nơi phát hiện sớm dấu hiệu khuyết tật mà còn là môi trường hỗ trợ và củng cố các kỹ năng học tập - xã hội của trẻ. Tuy nhiên, nhiều phụ huynh vẫn chưa có đầy đủ kiến thức về quyền học tập và nhu cầu đặc biệt của con mình, hoặc có tâm lý e ngại khi cho con theo học hòa nhập (UNICEF, 2023). Việc



Hình 1: Sơ đồ hệ sinh thái giáo dục hòa nhập

nâng cao năng lực làm cha mẹ thông qua tư vấn, huấn luyện và kết nối thông tin là điều cần thiết để cha mẹ trở thành người đồng hành hiệu quả.

Cộng đồng và tổ chức xã hội - Góp phần hình thành môi trường hòa nhập mở rộng: Cộng đồng và các tổ chức xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ giáo dục hòa nhập từ ngoài nhà trường. Những hoạt động như truyền thông nâng cao nhận thức, kết nối nguồn lực, tổ chức trị liệu cộng đồng hoặc hỗ trợ tài chính là các ví dụ điển hình.

Quản lý nhà nước - Bảo đảm khung pháp lý, nguồn lực và giám sát: Chính sách công là nền tảng để đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật. Việc thực thi các chính sách hiện hành vẫn còn thiếu đồng bộ do hạn chế về ngân sách, năng lực quản lý và giám sát tại cấp cơ sở. Do đó, vai trò của quản lý nhà nước không chỉ là ban hành văn bản mà cần giám sát thực thi, phân bổ ngân sách và xây dựng cơ chế liên ngành.

Hệ sinh thái giáo dục hòa nhập là một mạng lưới các mối quan hệ và phối hợp đa chiều giữa các bên liên quan - bao gồm nhà trường, giáo viên, gia đình, cộng đồng và cơ quan quản lý nhà nước, cùng tham gia vào việc hỗ trợ và đảm bảo quyền học tập cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt trong môi trường giáo dục hòa nhập. Hình 1 minh họa hệ sinh thái giáo dục hòa nhập - nơi học sinh có nhu cầu đặc biệt là trung tâm, và các bên liên quan đóng vai trò tương tác, hỗ trợ lẫn nhau để đảm bảo quyền học tập công bằng và chất lượng.

3.3.3. Giải pháp phát triển giáo dục hòa nhập theo hướng bền vững và hội nhập quốc tế

a. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tại các điểm trường hòa nhập

Một trong những rào cản cơ bản khiến trẻ khuyết tật không thể tiếp cận đầy đủ các hoạt động giáo dục chính là sự thiếu thốn về cơ sở vật chất phù hợp. Trong khi các quốc gia như Nhật Bản và Hoa Kỳ đã thiết lập các tiêu chuẩn tiếp cận trường học (Accessible school standards) thì tại Việt Nam, chỉ khoảng 3% trường học đáp ứng được các yêu cầu cơ bản (UNICEF, 2023). Do đó, cần có chính sách đầu tư dài hạn và có mục tiêu vào các hạng mục như: đường dốc, nhà vệ sinh tiếp cận, bảng chữ nổi, hệ thống âm thanh - hình ảnh hỗ trợ trong lớp học.

b. Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên chuyên biệt theo hướng thực tiễn

Đội ngũ giáo viên phổ thông hiện nay chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng dạy học hòa nhập, đặc biệt là trong xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) hay ứng xử với học sinh có rối loạn hành vi. Bài học từ Hoa Kỳ cho thấy việc thiết lập hệ thống đào tạo nghề nghiệp liên tục (Continuous Professional Development - CPD) giúp giáo viên được nâng cao năng lực chuyên môn thường xuyên, linh hoạt và gắn với thực tiễn lớp học. Việt Nam cần sớm thiết kế các chương trình tập huấn chuyên biệt, có phân nhóm theo dạng khuyết tật, cấp học và điều kiện vùng miền.

c. Xây dựng cơ chế phối hợp ba bên: nhà trường - gia đình - cộng đồng

Giáo dục hòa nhập không thể chỉ là công việc của nhà trường. Cần hình thành cơ chế phối hợp rõ ràng, trong đó phụ huynh có tiếng nói trong việc xây dựng và giám sát kế hoạch giáo dục cá nhân; cộng đồng tham gia thông qua các dịch vụ trị liệu, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp. Mô hình tổ hỗ trợ tại trường học (School-based support teams) như tại Nhật Bản, có thể được vận dụng, điều chỉnh phù hợp để ứng dụng tại Việt Nam.

d. Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức xã hội

Tâm lý kì thị, thương hại hoặc định kiến tiêu cực về người khuyết tật vẫn còn tồn tại ở nhiều cộng đồng dân cư. Việc thay đổi nhận thức cần được tiến hành qua các chiến dịch truyền thông sâu rộng, tập trung vào việc giải thích quyền học tập là quyền con người, nhấn mạnh giá trị của sự đa dạng trong lớp học và hiệu quả của hòa nhập đối với toàn xã hội. Truyền thông cũng nên tập trung vào các điển hình tiên tiến - trẻ khuyết tật vượt khó, giáo viên tận tâm, trường học điển hình - để tạo động lực lan tỏa tích cực.

e. Tham khảo và điều chỉnh mô hình quốc tế phù hợp bối cảnh Việt Nam

Từ mô hình của Nhật Bản, Việt Nam có thể học hỏi về hệ thống can thiệp sớm tích hợp trong nhà trường mầm non, nơi trẻ khuyết tật được phát hiện sớm và hỗ trợ bởi đội ngũ chuyên môn gồm giáo viên, chuyên gia trị liệu và cán bộ tư vấn. Đặc biệt, các trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt cấp tỉnh tại Nhật Bản đóng vai trò trung gian giữa gia đình - nhà trường - cơ sở y tế, giúp điều phối nguồn lực một cách hiệu quả và kịp thời. Việt Nam có thể điều chỉnh mô hình này bằng cách thiết lập các phòng hỗ trợ phát triển trẻ em trong trường mầm non, do giáo viên và chuyên viên địa phương phụ trách, góp phần tăng tính khả thi ở vùng còn thiếu nhân lực chuyên môn.

Từ mô hình của Hoa Kỳ, bài học đáng chú ý là hệ thống đánh giá tiến bộ trẻ khuyết tật theo mục tiêu cá nhân hóa (IEP) và phân nhóm thiểu số. Cách tiếp cận này không chỉ giúp đảm bảo đánh giá công bằng, mà còn nhấn mạnh việc thiết kế chương trình dạy học và hỗ trợ dựa trên năng lực thực tế của từng học sinh. Việt Nam có thể tiếp thu mô hình này để xây dựng hệ thống đánh giá đa chiều, gắn với lộ trình phát triển cá nhân cho trẻ khuyết tật trong giáo dục hòa nhập, thay vì đánh giá đồng loạt theo chuẩn chung.

Từ hai mô hình nêu trên, có thể rút ra bài học cốt lõi: 1) Xây dựng hệ thống hỗ trợ đa tầng, tích hợp trong nhà trường; 2) Đảm bảo cơ chế đánh giá tiến bộ linh hoạt, dựa trên mục tiêu cá nhân hóa; 3) Tăng cường vai trò điều phối của các tổ chức trung gian giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- Bunch, G. (2008). The key to successful inclusive education: A perspective from experience in the field. *Revista de Educación Inclusiva*, 1(1), p.91–101. https://e93n72yruom.exactdn.com/site/wp-content/uploads/2017/01/GBunch2008_en.pdf.
- Cho, S., & Park, J. (2024). Inclusive education in Japan and its role in international cooperation: Analysis of a project for children with disabilities in Mongolia. *Asia Pacific Education Review*, 25(1), p.229–242. <https://doi.org/10.1007/s12564-023-09923-4>.
- International Disability and Development Consortium. (2023). *Inclusive education: An imperative for advancing human rights and sustainable development*. <https://www.iddconsortium.net/blog/inclusive-education-an-imperative-for-advancing-human-rights-and-sustainable-development>.
- Nguyễn, X. H., Đỗ, T. T., Trần, T. B. N., & Lê, T. T. H. (2023). Developing inclusive education support models for children with disabilities in Vietnam. *International Journal of Elementary Education*, 12(2), p.43–52. <https://doi.org/10.11648/j.ijeeedu.20231202.13SciencePublishingGroup+3ResearchGate+3SciencePublishingGroup+3>.
- Nguyễn, X. H., Villa, R. A., Tac, L. V., Thousand, J. S., & Muc, P. M. (2020). Inclusion in Vietnam: More than a quarter century of implementation. *International Electronic Journal of Elementary Education*, 12(3), 257–264. <https://doi.org/10.26822/iejee.2020358219>.
- Trang, D. N. T., Hung, N. V., Phuong, N. M., & Thuy, D. T. (2023). Inclusive Education in the Current Context of Innovations of Education in Vietnam. *Journal of Education for Sustainability and Diversity*, 2(2), p.228–251. <https://doi.org/10.57142/jesd.v2i2.100>.
- UNICEF. (2023). *Inclusive education in Viet Nam*. <https://www.unicef.org/vietnam/inclusive-education>.
- United Nations. (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. <https://sdgs.un.org/2030agenda>.
- Wrightslaw. (n.d.). *No Child Left Behind: Overview of the law*. Retrieved April 20, 2025, from <https://www.wrightslaw.com/info/nclb.law.overview.htm>.

4. Kết luận

Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện các cam kết toàn cầu về phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, giáo dục hòa nhập cần được nhìn nhận không đơn thuần là một phương thức tổ chức dạy học mà là một chiến lược quốc gia về bảo đảm cơ hội và công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Thông qua việc phân tích lí luận, thực trạng và so sánh mô hình quốc tế, nghiên cứu này đã góp phần làm rõ những yếu tố nền tảng cần thiết để thúc đẩy giáo dục hòa nhập một cách thực chất. Bài viết nhấn mạnh vai trò thiết yếu của giáo viên, gia đình, cộng đồng và nhà nước trong việc thiết lập một hệ sinh thái hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt. Đồng thời, các khuyến nghị đưa ra cũng mang tính khả thi và có thể triển khai theo từng cấp độ - từ chính sách đến thực tiễn trường học.

Để phát triển giáo dục hòa nhập một cách bền vững và phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, cần có thêm những nghiên cứu sâu hơn về: 1) Mô hình đào tạo và phát triển năng lực giáo viên dạy hòa nhập; 2) Thiết kế hệ sinh thái giáo dục hòa nhập linh hoạt theo địa phương; 3) Cơ chế phối hợp liên ngành trong hỗ trợ trẻ khuyết tật; 4) Phát triển công cụ giám sát, đánh giá hiệu quả giáo dục hòa nhập dựa trên các tiêu chí khoa học và mang tính chất lượng. Khẳng định lại, giáo dục hòa nhập không chỉ vì người học có nhu cầu đặc biệt mà là vì một hệ thống giáo dục tốt hơn cho tất cả mọi người.